

NGUYÊN TẮC CHUẨN HÓA CHỮ DAO VUÔNG

Chữ Dao Vuông là một hệ thống chữ viết được cải tiến từ chữ Nôm Dao truyền thống, nhằm mục đích chuẩn hóa và bảo tồn giá trị văn hóa của hệ thống chữ viết này. Việc chuẩn hóa chữ Dao Vuông không chỉ giúp đảm bảo tính chính xác, nhất quán trong việc sử dụng mà còn góp phần vào việc bảo tồn các giá trị lịch sử và văn hóa của dân tộc.

Trong quá trình chuẩn hóa, cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau để đảm bảo tính chính xác, phù hợp và khả năng ứng dụng rộng rãi của hệ thống chữ viết này:

1. Chữ mới phải nằm trong bảng mã Unicode

Việc mã hóa các ký tự mới trong hệ thống chữ Dao Vuông phải đảm bảo chúng đã được đưa vào bảng mã Unicode. Điều này giúp đảm bảo khả năng tương thích giữa các hệ thống phần mềm khác nhau, dễ dàng trao đổi dữ liệu và xử lý thông tin một cách chính xác, hiệu quả.

Ví dụ: 拂 pux (tay), có mã U+62AA trong bảng mã Unicode

2. Từ cùng nguồn gốc nhưng cách dùng khác nhau thì tạo chữ mới

Ví dụ: 六 *k.ruk có các âm *kyor*, *guc*, *lōkc* trong đó *kyor* là âm cổ nhất có cách dùng riêng và thường coi là bạch thoại nên phải tạo chữ mới để ghi âm *kyor* này. Đề xuất chữ 女 cho âm *kyor*.

3. Chữ Nôm lịch sử: sử dụng lại khi hợp lý

Chữ Nôm trong lịch sử có thể được tái sử dụng trong các trường hợp phù hợp, miễn là các ký tự này đã được mã hóa trong Unicode. Việc này không chỉ giúp bảo tồn giá trị văn hóa và lịch sử của chữ Nôm mà còn đảm bảo tính nhất quán trong các tài liệu hiện đại, góp phần giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.

Ví dụ: 婢 là một chữ nôm được tạo trong lịch sử có âm là *xal*, nghĩa là “gái”.

4. Âm Hán Dao cổ: dùng làm Hán Dao khi xác định rõ nguồn gốc

Ví dụ: 狗 klo?, âm đọc *klôd* “chó” là âm Hán Cổ nên có thể tái sử dụng chữ 狗 mà không cần thiết phải tạo chữ mới. *Những chữ tương tự nhưng chưa đủ bằng chứng xác định là âm Hán cổ thì tạo chữ mới.*

5. Tránh dùng chữ Hán phổ biến thời hiện đại để ghi từ không phải gốc Hán

Việc dùng lại chữ Hán hiện đại để tạo chữ mới có thể gây khó hiểu và làm người học tiếng Trung rối hơn. Những chữ này vốn đã có cách đọc và cách dùng quen thuộc, nên khi bị gán thêm nghĩa mới, người học rất dễ nhầm lẫn.

Ví dụ, chữ 們 là một chữ rất phổ biến trong tiếng Trung, thường dùng để chỉ số nhiều. Trong chữ Nôm, chữ này lại được dùng với âm *mǔnh*, nghĩa là “người”. Khi gặp cùng một chữ nhưng phải hiểu theo hai cách khác nhau, người học sẽ khó nhớ và dễ dùng sai.

Vì vậy, thay vì dùng lại chữ Hán có sẵn, có thể sử dụng chữ 吴, được tạo hình giống một người đơn giản. Cách này giúp người học dễ nhận ra đây là chữ mới, không lẫn với chữ Hán hiện đại, và học nhanh hơn.

CÁC TỪ VÍ DỤ

林底吳 kêmh did mǔnh

子孫 xeid sǔnr

甲子 capr sǎngd / capr seid

送空 sǔngs khungz

袂逢 tih pōngh

六十 guc xōpc

云枝裡 kyor ceir gyăngs

豚鷄犴馬 tŭngx cǎir ngongh max

体銃 fǒnd chōngz

本身 fǒnd sǐnl

日本 Nhătc Pônd

吳父 mŭnh fad

荔枝 gyăir kyais